TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2025/QĐST-HNGĐ	*Hải Phòng, ngày 07 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

Thư ký phiên họp: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng tham gia phiên họp: Bà Lê Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 334/2025/TB-TA ngày 20 tháng 10 năm 2025 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung theo Quyết định mở phiên họp số 54/2025/QĐMPH-HNGĐ ngày 27/10/2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị **Nguyễn Thị N,** sinh ngày 19/11/1994, CCCD số: 030194005xxx.

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường Đ, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

2. Anh **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 05/11/1991, CCCD số: 030091002xxx.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố T, phường Đ, thành phố Hải Phòng. Địa chỉ hiện nay: xx gou, Tokyo, Japan (Nhật Bản). Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị N về việc giao, nhận văn bản tố tụng của Toà án: Ông Nguyễn Quang D, sinh ngày 18/5/1980, CCCD số: 030080014323; nơi cư trú: số xxx, phố Trần Quang M, phường G, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn H cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 28/10/2015 tại UBND xã Thượng Đạt,

thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường Đ, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, nguyên nhân do anh H đi lao động từ năm 2017, mỗi người sống một nơi, không quan tâm chăm sóc nhau, vợ chồng ly thân từ năm 2019. Mặc dù hai bên gia đình nhiều lần đóng góp nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn, anh H và chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cùng đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng công nhận việc thuận tình ly hôn cho anh chị.

Về con chung: Anh H và chị N đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 24/7/2017, anh chị thỏa thuận giao cháu Nguyễn Thiên P cho anh Nguyễn Văn H chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh H tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay anh H đang lao động tại Nhật Bản nên không có điều kiện để trực tiếp nuôi con chung, anh H và chị N thỏa thuận chị N thay anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thiên P trong thời gian anh H không có mặt tại Việt Nam, anh H cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị N là 3.000.000đ/tháng cho đến khi anh H về trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Phú.

Về tài sản, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng phát biểu quan điểm: Đề nghị áp dụng các điều 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị N và anh H: giao cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 24/7/2017 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H. Tạm giao cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 24/7/2017 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trong thời gian anh H không có mặt tại Việt Nam, anh H cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị N là 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 11 năm 2025 cho đến khi anh H về trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng

cháu Phú. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về lệ phí: Anh H chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận nuôi con là yêu cầu về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị N hiện cư trú tại tổ dân phố T, phường Đ, thành phố Hải Phòng; anh H có địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: tổ dân phố T, phường Đ, thành phố Hải Phòng, hiện nay sinh sống tại Nhật Bản cùng có quan điểm đề nghị Toà án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng giải quyết công nhận thuận tình ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án thì việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng.

[1.2] Người yêu cầu chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn H; người đại diện theo uỷ quyền của chị N, anh H về việc giao, nhận văn bản tố tụng là ông Nguyễn Quang D đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt những người trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 28/10/2015 tại UBND xã Thượng Đạt, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường Đ, thành phố Hải Phòng) nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, nguyên nhân do anh H đi lao động từ năm 2017, mỗi người sống một nơi, không quan tâm chăm sóc nhau, vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2019. Mặc dù hai bên gia đình nhiều lần đóng góp nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn, anh chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho anh chị. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh H và chị N thỏa thuận giao con chung là cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 24/7/2017 cho anh H chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh H tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay, anh H đang lao động tại Nhật Bản, không có điều kiện để trực tiếp nuôi con chung, anh H và chị N thỏa thuận chị N thay anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thiên P trong thời gian anh H không có mặt tại Việt Nam, anh H cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị N là 3.000.000đ/tháng cho đến khi anh H về trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Phú. Cháu Phú có đơn đề nghị được ở cùng anh H và đồng ý ở cùng chị N trong thời gian anh H không có mặt tại Việt Nam.

Việc thỏa thuận về con chung, cấp dưỡng nuôi con giữa anh H và chị N không trái pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận thỏa thuận của anh chị.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh H đều không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về lệ phí: Chấp nhận sự thoả thuận của chị N và anh H về việc anh H chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H: giao cho anh Nguyễn Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 24/7/2017 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

Tạm giao cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 24/7/2017 cho chị Nguyễn Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trong thời gian anh H không có mặt tại Việt

Nam, anh H cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị N là 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 11 năm 2025 cho đến khi anh H về trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Phú.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con, người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn H chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng anh H đã nộp (ông Nguyễn Quang D nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E, số: 0004107 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Văn H đã nộp đủ lệ phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8 – Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 -Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND phường Đ để ghi vào sổ hộ tịch (kết hôn năm 2015 tại UBND xã Thượng Đạt, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh